

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 28/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Bà Huỳnh Xuân Th.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn H (H Bò), sinh năm 1977; sinh – trú quán: Châu Đốc, An G; nơi đăng ký thường trú: tổ 11, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An G; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị D, sinh năm 1952; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Ông Cao Văn L, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 11, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Thái Phú N, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ 03, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh An G;

2. Ông Vương Bửu T, sinh năm 1985; nơi cư thường trú: tổ 04, ấp P, xã H, huyện P, tỉnh An G;

3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1950; nơi cư trú: tổ 11, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An G.

Người làm chứng:

1. Mai Thị Ch, sinh năm 1960;
2. Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1963;
3. Trần Hồng Th, sinh năm 1973;
4. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989;
5. Trần Thanh G, sinh năm 1980;
6. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thái Phú N, Vương Bửu T và những người làm chứng: Mai Thị Ch, Nguyễn Thị L1, Trần Thanh G có mặt; bị hại, ông Trần Văn Q và những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/11/2018, Trần Văn H nhìn thấy 03 con bò của ông Cao Văn L đang ăn cỏ tại khu vực tổ 21, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An G không người trông giữ nên nảy sinh ý định bắt đem bán lấy tiền trả nợ. Để thực hiện, H gọi điện thoại cho Vương Bửu T nói đã mua bò và thuê xe tải đến để chở. T đến nơi, H kêu T phụ tiếp dắt 01 con bò đực màu lông đen trắng, xám đưa lên xe tải chở đem bán cho ông Thái Phú N với giá 14.000.000 đồng, ông N trả trước cho H 2.000.000 đồng, H lấy 600.000 đồng trả tiền thuê xe cho T còn lại tiêu xài cá nhân hết. Phát hiện mất bò, ông Cao Văn L trình báo công an.

Kết luận định giá T sản số 10/KL-ĐG, ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 (một) con bò đực màu lông đen, trắng, xám, giống sóc lai, trọng lượng 180 kg; trị giá 30.000.000 đồng.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-CD ngày 13/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017(sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, do cần tiền trả nợ nên khi thấy 03 con bò của bị hại đang ăn cỏ tại khu vực đất trống gần khu Trung tâm thương mại Núi Sam, không ai trông giữ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 01 con bò và đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị cáo còn khai nhận, sau sự việc xảy ra, bị cáo về nhà xin gia đình số tiền 3.000.000 đồng và nhờ cha là ông Trần Văn Q khắc phục hậu quả.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo.

Ông Thái Phú N cho biết, giữa ông và bị cáo không quen biết nhau, chỉ nói chuyện qua điện thoại do bị cáo gọi điện và nói có con bò cần bán. Khi bị cáo đem bò đến nhà thì ông có trình báo địa phương về việc có mua con bò do bị cáo đem đến bán. Đồng thời chấp nhận mua với giá 14.000.000 đồng và có đưa trước cho bị cáo 2.000.000 đồng. Khi biết con bò đã mua là do bị cáo lấy trộm của người khác, ông đã giao trả lại con bò cho cơ quan điều tra. Ông yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã đưa cho bị cáo.

Ông Vương Bửu T cho biết, ông làm nghề chở xe tải thuê, khi bị cáo gọi điện thuê chở bò và hẹn địa điểm ông đã lái xe tải đến khu vực các con bò đang ăn cỏ tại khu vực đất trống gần Trung tâm thương mại Núi Sam. Đến nơi, bị cáo chỉ con bò đực màu lông đen trắng, xám và kêu ông dắt bò lên xe, tin là bò của bị cáo thuê chở đem bán nên ông đã cùng ông Trần Thanh G dắt bò lên xe và đã chở bò đến nhà của ông N theo yêu cầu của bị cáo. Đối với vụ án, ông không có yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng việc không ai trông giữ, lén dẫn một con bò của bị hại và gọi điện thuê ông T chở đem bán cho ông N, với mục đích bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, trị giá con bò bị cáo chiếm đoạt được xác định là 30.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số 10/CT-VKS-CD ngày 13/02/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền sớm giải quyết vụ án và đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã đưa cho bị cáo; căn cứ Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông N số tiền này.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 3.000.000 đồng mà cơ quan điều tra đã lập biên bản tạm giữ, đây là tiền bị cáo tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả, đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trong đó, đề nghị trích 2.000.000 đồng trả cho ông N, còn lại 1.000.000 đồng giao trả cho bị cáo.

Đối với ông Vương Bửu T và ông Thái Phú N khi tham gia giao dịch đối với bị cáo, không biết T sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy không xử lý, nhưng đề nghị cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

Căn cứ các T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp L1 giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn Q và những người làm chứng: Huỳnh Văn Đ, Trần Hồng Th, Nguyễn Thanh H vắng mặt. Xét, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng tại phiên tòa với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại, những người làm chứng, vật chứng vụ án (con bò) được thu giữ và đã giao trả lại cho bị hại, có căn cứ xác định:

Vào sáng ngày 12/11/2018, lợi dụng sự sơ hở, thiếu trông giữ các con bò của chủ sở hữu, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đã gọi điện cho ông T thuê chở 01 con bò loại giống sọc lai đem bán cho ông N; con bò mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 30.000.000 đồng theo Kết luận định giá số 10/KL-ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc.

Bị cáo là người có N lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt T sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu T sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; quá trình điều tra, tích cực hợp tác cơ quan có thẩm quyền giải quyết sớm vụ án; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t, b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

Quá trình lượng hình, nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, chỗ ở và việc làm tương đối ổn định (phụ quán ăn). Trong thời gian được tại ngoại, bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, ông N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng mà ông đã đưa cho bị cáo khi mua bò; bị cáo đồng ý bồi thường cho ông N số tiền này. Xét, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông N số tiền 2.000.000 đồng như ông N yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 3.000.000 đồng cơ quan điều tra tạm giữ của ông Trần Văn Q theo biên bản tạm giữ ngày 15/11/2018, tại biên bản lời khai ngày 15/11/2018, ông Trần Văn Q cho biết: Số tiền 3.000.000 đồng mà ông đưa cho Vương Bửu T là do con ông Trần Văn H hỏi xin và nhờ ông đưa cho T để bồi thường cho bị hại. Do đó, có căn cứ xác định đây là số tiền bị cáo đã tác động gia đình (xin tiền của cha là ông Trần Văn Q) để bồi thường cho thiệt hại phát sinh từ hành vi đã thực hiện. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông N 2.000.000 đồng nên trích 2.000.000 đồng từ số tiền này giao trả cho ông N như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Riêng 1.000.000 đồng còn lại, đây là tiền của ông Quận bị cơ quan điều tra tạm giữ khi đưa cho ông T khắc phục hậu quả cho bị cáo, xét giao trả lại cho ông Quận.

[9] Vấn đề khác:

Đối với ông Vương Bửu T và ông Thái Phú N khi tham gia giao dịch đối với bị cáo H không biết T sản (con bò) – đối tượng giao dịch do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, cần công khai giáo dục tại phiên tòa đối với ông T và ông N nhằm giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của Kiểm sát viên.

[10] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố bị cáo: Trần Văn H (H Bò) phạm tội: “*Trộm cắp T sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H: 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (28/3/2019).

Giao bị cáo Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì pH thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm bồi thường cho ông Thái Phú N 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Giao trả cho ông Trần Văn Q 1.000.000 (một triệu) đồng trích từ số tiền 3.000.000 đồng mà cơ quan điều tra – Công an thành phố Châu Đốc đã tạm giữ và chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc theo Giấy nộp tiền số 0624342 ngày 30/01/2019.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng mà bị cáo đã tác động gia đình giao nộp để đảm bảo thi hành án đối với phần thiệt hại mà bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Thái Phú N sau khi đã trích 1.000.000 đồng giao trả cho ông Trần Văn Q (theo Giấy nộp tiền số 0624342 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn H pH chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Văn H pH chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Bửu T và ông Thái Phú N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và ông Trần Văn Q là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);s
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm